TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/ HNGĐ - ST
Ngày: 12/ 9/ 2019
V/v: " Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- THnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kim
2. Ông Doãn Đức H

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Liên – Thư ký TAND huyện Đông Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc: " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐĐVAXX ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Xuân H - Sinh năm 1966 – Có mặt
Địa chỉ: Thôn BT, xã ĐT, huyện ĐP, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Chị Đỗ Thị T – Sinh năm 1965 – Có mặt
ĐKHKTT: Thôn BT, xã ĐT, huyện ĐP, thành phố Hà Nội
Nơi ĐK tạm trú: Đội 7, xã ĐM, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị anh Bùi Xuân H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Bùi Xuân H và chị Đỗ Thị T chung sống với nhau từ năm 2001, đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện ĐP, thành phố Hà Nội. Sau khi đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, chị T thường xuyên hút thuốc, uống rượi và cách xử sự của chị T với gia đình chồng không đúng mực. Đến năm 2011 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị T thuê nhà ra ở riêng, còn anh H đi làm ăn xa thi thoảng về ở cùng với cháu Nam và bố, mẹ anh H chứ không sống chung với chị T. Đến khoảng năm 2015 chị T về quê tại Đội 7, xã ĐM, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa để ở và đến năm 2017 thì cháu N (con trai chị T và anh H) chuyển về quê để sống

cùng chị T và theo học cấp 3 tại Thanh Hóa. Từ khi chị T chuyển về quê ở thì anh H có về Thanh Hóa một lần để đưa con trai đi thi cấp 3 vào năm 2018, nhưng không ở cùng chị T mà thuê nhà nghỉ để ở trong mấy ngày đưa con đi thi. Nay anh H xác định anh và chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay và tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại. Nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Bùi Khánh N– Sinh ngày 01/9/2002. Hiện nay cháu N đang ở với chị T. Nếu được ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của cháu N là được ở với chị T và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Hiện nay anh H làm việc tại Công ty cổ phần hóa chất và vật tư môi trường và có thu nhập 4.500.000đ/ tháng + phụ cấp ăn trưa.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Tại bản khai và quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T cũng thống nhất với trình bày của anh H về thời điểm chung sống, thời gian đăng ký kết hôn. Theo chị T thì anh, chị về chung sống cùng với bố, mẹ anh H tại Thôn BT, xã ĐT, huyện ĐP, thành phố Hà Nội một thời gian, đến 15/02/2011 thì chị T không ở chung nhà với bố mẹ anh H nữa mà thuê nhà ra ở riêng, anh H đi làm ăn xa thi thoảng vẫn về thăm chị T. Đến năm 2016 thì chị T trở quê tại Đội 7, xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa để ở ổn định từ đó cho đến nay, năm 2017 thì cháu N con trai của anh H và chị T cũng về quê để chung sống cùng với chị T và đang theo học cấp 3 tại Thanh Hóa. Theo chị T nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, nhưng không biết cụ thể địa chỉ của những người đó và chị T cũng thừa nhận chị và anh H đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H vẫn còn, nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T cũng thừa nhận chị và anh H có 01 con chung như anh H trình bày. Nếu ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng của cháu N, tiền cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. Hiện nay chị T làm nghề lao động tự do, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 05 đến 06 triệu đồng.

Về tài sản, công nợ: Tại bản tự khai và các phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại bản khai ngày 08/ 7/ 2019 cháu Bùi Khánh N trình bày: Do bố mẹ sống ly thân, nên cháu đã về ở cùng mẹ và đang theo học cấp 3 tại huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa. Nếu Tòa án giải quyết cho bố, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và thuận lợi cho việc học hành của cháu.

Qua xác minh tại địa phương: Chị T trở về sống tại địa phương từ khoảng năm 2015 - 2016, sau một thời gian thì cháu N trở về địa phương sống cùng với chị T và hai mẹ con sống ổn định tại địa phương từ đó cho đến nay và từ khi chị T trở về sống tại địa phương thì không thấy có lần nào anh H trở về địa phương với mẹ con chị T.

Tại phiên tòa anh Bùi Xuân H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị T không đồng ý ly hôn vì theo chị tình cảm vợ chồng vẫn còn và nếu phải ly hôn

chị đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, nhưng tại phiên tòa chị T không có đơn yêu cầu chia tài sản chung và cũng không có tài liệu chứng cứ gì kèm theo.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ. Điều 28,35,39, Khoản 4 Điều 147, 271, 273, 278; 280 của BLTTDS. Điều 24 điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 mục 1.1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: xử cho anh Bùi Xuân H được ly hôn chị Đỗ Thị T

- Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Khánh N – Sinh ngày 01/9/2002. Anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2019 đến khi cháu Nam thành niên.

- Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí LHST và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về t tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" bị đơn có đăng ký tạm trú tại xã ĐM, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân:

Chị T và anh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm và do không tin tưởng lẫn nhau, nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và anh chị đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng thực không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại, nên anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, nhưng chị T không đồng ý ly hôn vì theo chị tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H vẫn còn. HĐXX xét thấy cuộc sống chung của anh H và chị T đã không tồn tại trong một thời gian dài, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị một thời gian để trao đổi bàn bạc với nhau, nhưng chị T vẫn không thể gặp trực tiếp và cũng không thể liên lạc được với anh H để trao đổi. Mặt khác Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả. Nay anh H xét thấy không thể tiếp tục sống

chung với chị T được nữa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[3] Về nuôi con chung:

Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Bùi Khánh N – Sinh ngày 01/9/2002. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng của cháu N. Anh H cũng đồng ý. Do đó HĐXX giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000đ, nhưng chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và cũng không đồng ý để anh H cấp dưỡng nuôi con vì theo chị chỉ cần mình thu nhập của chị cũng đủ điều kiện nuôi con.

Nhưng HĐXX xét thấy hiện nay chị T làm nghề lao động tự do có thu nhập trung bình mỗi tháng từ 05 đến 06 triệu đồng, tại phiên tòa chị T khai trung bình mỗi tháng chi phí cho cháu N ăn học khoảng 04 triệu đồng. Do đó mức thu nhập của chị T chưa đủ để đảm bảo cuộc sống cho hai mẹ con chị. Do đó HĐXX chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ của anh H và anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82,83 luật HNGĐ.

[4] Về tài sản, công nợ: Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản mà tại phiên tòa hôm nay chị T mới yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhưng chị không có đơn yêu cầu cũng không có tài liệu chứng cứ gì kèm theo yêu cầu của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 200, 244 của BLTTDS thì bị đơn chỉ có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, mặt khác HĐXX chỉ chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu. Do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu giải quyết về tài sản của chị T cùng trong vụ án này mà giành quyền cho chị T được khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác, nếu có đủ các điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điều 6, Điểm a khoản 5, 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh H phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; 200; 244; 271 và 273 của BLTTDS và Điều 6, Điểm a khoản 5, 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật HNGĐ;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Xuân H

1. Về hôn nhân**:** Xử cho anh Bùi Xuân H được ly hôn chị Đỗ Thị T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Khánh N – Sinh ngày 01/9/2002.

2.2. Anh Bùi Xuân H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Đỗ Thị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2019 đến khi cháu Bùi Khánh N thành niên.

Anh Bùi Xuân H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ:

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Đỗ Thị T tại phiên tòa.

Giành quyền cho chị ĐỗThị T được khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác, nếu có đủ các điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí*:* Anh Bùi Xuân H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0006520 ngày 18/6/2019 của Chi cục THADS huyện Đông sơn. Số tiền án phí còn lại anh H phải nộp là 300.000đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Anh Bùi Xuân H, chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT
- VKSND huyện Đ S;
- Chi cục THADS huyện Đ S;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Kim
Doãn Đức H

Lê Thị Hương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương